

Bản án số: 390/2022/DS-PT
Ngày: 14-12-2022
“V/v tranh chấp hợp đồng góp
hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Thị Bích Tuyền.

2. Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Kiểm sát viên.

Vào ngày 14 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 10 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 20-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 373/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 299/2022/QĐ-PT ngày 24/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 243/8 ấp 8, xã Phước Tân Hưng, huyện Y, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Võ Thụy Kim B, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quý C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 703/8, ấp Thanh Tân, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C:

- Ông Bùi Duy Thạnh, sinh năm 1978.

- Ông Lê Văn Phiến, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Số 62 Ngô Quyền, Phường 7, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 20/8/2022).

Người kháng cáo: Ông Trần Quý C.

(Bà A có mặt tại phiên tòa; ông Thanh, ông Phiến, bà B vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 07/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Phạm Thị A là nguyên đơn trình bày: Bà Võ Thụy Kim B tổ chức chơi hội, bà tham gia các dây hội như sau:

+ Dây hội 5.000.000 đồng, khai hội ngày 05/9/2021 (âm lịch), hội 15 phần, bà tham gia 01 phần, đã góp 09 kỳ hội sống, tổng số vốn góp hội là 32.775.000 đồng.

+ Dây hội 3.000.000 đồng, khai hội ngày 25/4/2021 âm lịch, hội 18 phần, bà tham gia 03 phần, đã góp đến kỳ 13, tổng số vốn góp hội là 87.180.000 đồng.

Tổng số tiền vốn bà đã góp hội sống là 119.955.000 đồng, bà B tuyên bố vỡ hội, đến nay chưa thanh toán nợ vốn cho bà.

Ông Trần Quý C là chồng của bà B trực tiếp nhận tiền góp hội và cùng bà B đi giao tiền hốt hội cho các hội viên khác. Bà B và ông C là vợ chồng cùng làm ăn chung nên bà yêu cầu bà B và ông C phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà số nợ vốn góp hội tổng cộng là 119.955.000 đồng trong thời gian ngắn, không yêu cầu tính lãi.

- Bà Võ Thụy Kim B là bị đơn tại biên bản hòa giải ngày 19/8/2022 trình bày: Bà có tổ chức chơi hội và còn thiếu nợ vốn góp hội của bà Phạm Thị A số tiền 119.955.000 đồng. Việc chơi hội là do cá nhân bà tự tổ chức chơi để phục vụ cho mục đích cá nhân. Do bà phải đóng choàng phần của các hội viên khác nên không còn khả năng chi trả. Nay bà đồng ý trả số nợ trên cho bà A nhưng xin trả dần khi có điều kiện mà không xác định thời hạn trả.

- Ông Lê Văn Phiến là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý C có đơn trình bày ý kiến: Ông C và bà B là vợ chồng, nhưng việc góp hội của bà B với nguyên đơn thì ông C hoàn toàn không biết, việc góp hội là việc cá nhân của bà B không nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung trong gia đình, không tạo ra bất kỳ tài sản nào trong thời gian bà B chơi hội. Khi vụ việc bể hội mọi người tìm đến nhà đòi thì ông C mới biết. Vì vậy, bà B phải chịu trách nhiệm và ông C không chịu trách nhiệm liên đới cùng với bà B hoàn trả tiền cho nguyên đơn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 20-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An đã căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hội, biêu, phường; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hội của bà Phạm Thị A đối với bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C.

Buộc bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp hụi cho bà Phạm Thị A số tiền 119.955.000 đồng (một trăm mười chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.997.750 đồng. Bà Phạm Thị A không phải chịu án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 03/10/2022, ông Trần Quý C kháng cáo không đồng ý với án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông C liên đới chịu trách nhiệm trả tiền cùng với bị đơn Võ Thụy Kim Thoa.

Tại phiên tòa phúc thẩm không diễn ra tranh luận do không có mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Bà B tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân của bà B và ông C, việc bà B tổ chức chơi hụi đến khi vỡ hụi diễn ra trong một thời gian dài tại nhà của bà B và ông C nên việc ông C khai rằng ông không biết việc bà B tổ chức chơi hụi là không có cơ sở.

Ông C, bà B khai rằng, hai người làm ăn riêng, kinh tế độc lập nhưng không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh, trong khi đó nguyên đơn cung cấp hình ảnh bảng hiệu cửa hàng thuốc thú y “Phúc Thoa”, hai người cùng mua bán, đã chứng minh ông C, bà B cùng làm ăn chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B và ông C phải liên đới thanh toán nợ hụi cho bà A số tiền 119.955.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của ông C. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1.1 Ông Trần Quý C kháng cáo trong thời hạn luật định là hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện Y, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền về lãnh thổ theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Ông Lê Văn Phiến và ông Bùi Duy Thanh là người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Quý C đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và bà Võ Thụy Kim B đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Phiến, ông Thanh, bà B.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ông Trần Quý C và bà Võ Thụy Kim B là vợ chồng hợp pháp, chưa có ly hôn. Việc bà B tổ chức chơi hụi với các hụi viên là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà B và ông C, trong một thời gian dài tại nhà chung của vợ chồng ông C, bà B; đồng thời ông C, bà B không chứng minh được việc bà B sử dụng số tiền hụi sử dụng cho mục đích cá nhân nên có cơ sở khẳng định lợi ích từ việc tổ chức chơi hụi được đem về gia đình ông C, bà B. Do đó, việc ông C cho rằng không biết việc bà B tổ chức chơi hụi là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, ông C cũng không phản đối việc bà B tổ chức hụi, là mặc nhiên thừa nhận việc làm của bà B nên phải chịu trách nhiệm liên đới khi phát sinh nghĩa vụ nợ là phù hợp với Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đó là: *“Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này và Điều 37 quy định:*

“Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1. Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ chồng cùng phải chịu trách nhiệm;

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

3. Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung;

4. Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình;

5. Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật dân sự thì cha mẹ phải bồi thường;

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan”.

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Trần Quý C là không có cơ sở chấp nhận; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An hoàn toàn có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Quý C phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Các khoản khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị sẽ có hiệu lực sau khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quý C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 89/2022/DS-ST ngày 20-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 288, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 14, 18 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp vốn của bà Phạm Thị A đối với bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C.

Buộc bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả nợ vốn góp vốn cho bà Phạm Thị A số tiền 119.955.000 đồng (một trăm mười chín triệu, chín trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thụy Kim B và ông Trần Quý C phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.997.750 đồng. Bà Phạm Thị A không phải chịu án phí.

[3] Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Trần Quý C phải chịu 300.000 đồng nhưng khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008093 ngày 11/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[4] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Cảnh